



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 1/5

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch đầu nguồn (Nhà máy nước Bông Vang)
Vị trí: Nhà máy nước Bông Vang - Số 17, ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 03/06/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 03/06/2025 đến 15/06/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Staphylococcus aureus (iso)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	0
2	Pseudomonas aeruginosa (iso)	CFU/100mL	ISO 16266:2006	0
3	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	KPH (MDL = 0,1)
4	Hàm lượng Antimon (Sb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,4)
5	Hàm lượng Bari (Ba) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
6	Hàm lượng Bo (B) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)
7	Hàm lượng Cadimi (Cd) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)
8	Hàm lượng Chì (Pb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)

Ghi chú: - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/5÷5/5.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
 Trang: 2/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Chỉ số Permanganat (iso)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,67)
10	Hàm lượng Clorua (iso)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	49,63
11	Hàm lượng Crom tổng (Cr) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0033)
12	Hàm lượng Đồng (Cu) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
13	Độ cứng (iso)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	104,00
14	Hàm lượng Florua (F ⁻) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)
15	Hàm lượng Kẽm (Zn) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
16	Hàm lượng Mangan (Mn) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
17	Hàm lượng Natri (Na) (iso)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	18,46
18	Hàm lượng Nhôm (Al) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
19	Hàm lượng Niken (Ni) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)
20	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B:2023	1,17
21	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	KPH (MDL = 0,003)
22	Hàm lượng Sắt (Fe) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,017)
23	Hàm lượng Selen (Se) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,002)
24	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ²⁻) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	15,35
25	Hàm lượng Sunfua (iso)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
26	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
27	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS) (iso)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	209
28	Hàm lượng Cianua (CN ⁻) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)
29	Hàm lượng 1,1,1 - Tricloroetan (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
30	Hàm lượng 1,2 - Dicloroetan (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
31	Hàm lượng 1,2 - Dicloroeten (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
32	Hàm lượng Cacbonetetraclorea (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
33	Hàm lượng Diclorometan (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 3/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
34	Hàm lượng Tetrachloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
35	Hàm lượng Trichloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
36	Hàm lượng Vinyl clorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
37	Hàm lượng Benzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
38	Hàm lượng Etylbenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
39	Hàm lượng Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(iso)	µg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,3)
40	Hàm lượng Styren ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
41	Hàm lượng Toluen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
42	Hàm lượng Xylen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
43	Hàm lượng 1,2 - Diclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
44	Hàm lượng Monoclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
45	Hàm lượng Triclorobenzen	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
46	Hàm lượng Acrylamide	µg/L	HD 15-SK-1.20.9 (US EPA Method 8260D:2018)	KPH (MDL = 100)
47	Hàm lượng Epiclohydrin ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
48	Hàm lượng Hexacloro butadien ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
49	Hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
50	Hàm lượng 1,2 - Dicloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
51	Hàm lượng 1,3 - Dichloropropen ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
52	Hàm lượng 2,4 - D ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
53	Hàm lượng 2,4 - DB ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
54	Hàm lượng Alachlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
55	Hàm lượng Aldicarb ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
56	Hàm lượng Atrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
57	Hàm lượng Carbofuran ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
58	Hàm lượng Chlorpyrifos ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.2	KPH (MDL = 0,02)

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 4/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
59	Hàm lượng Clodane ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
60	Hàm lượng Clorotoluron ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
61	Hàm lượng Cyanazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
62	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
63	Hàm lượng Dichloprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
64	Hàm lượng Fenoprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
65	Hàm lượng Hydroxyatrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
66	Hàm lượng Isoproturon ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
67	Hàm lượng MCPA ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
68	Hàm lượng Mecoprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,012)
69	Hàm lượng Methoxychlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
70	Hàm lượng Molinate ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
71	Hàm lượng Pendimetalin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
72	Hàm lượng Permethrin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-1	KPH (MDL = 0,2)
73	Hàm lượng Propanil ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
74	Hàm lượng Simazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
75	Hàm lượng Trifluralin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
76	Hàm lượng 2,4,6 - Triclorophenol ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8270D:2018	KPH (MDL = 0,02)
77	Hàm lượng Bromat ^(iso)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (MDL = 2)
78	Hàm lượng Bromodichloromethane ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	8,2
79	Hàm lượng Bromoform ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
80	Hàm lượng Chloroform ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	18,9
81	Hàm lượng Dibromoacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)
82	Hàm lượng Dibromochloromethane ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	3,3
83	Hàm lượng Dichloroacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2240306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 5/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
84	Hàm lượng Dichloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
85	Hàm lượng Formaldehyde ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.7	KPH (MDL = 100)
86	Hàm lượng Monochloramine ^(iso)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,03)
87	Hàm lượng Monochloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
88	Hàm lượng Trichloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
89	Hàm lượng Trichloroacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 0,2)
90	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) ^(iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,024)
91	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) ^(iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,027)

CATECH



- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số:2250306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 1/5

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch giữa nguồn (Nhà máy nước Bông Vang)
Vị trí: Số 158, TL923, ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 03/06/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 03/06/2025 đến 15/06/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Staphylococcus aureus (iso)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	0
2	Pseudomonas aeruginosa (iso)	CFU/100mL	ISO 16266:2006	0
3	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	KPH (MDL = 0,1)
4	Hàm lượng Antimon (Sb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,4)
5	Hàm lượng Bari (Ba) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
6	Hàm lượng Bo (B) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)
7	Hàm lượng Cadimi (Cd) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)
8	Hàm lượng Chì (Pb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)

Ghi chú: - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/5÷5/5.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2250306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
 Trang: 2/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Chỉ số Permanganat (iso)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,67)
10	Hàm lượng Clorua (iso)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	49,63
11	Hàm lượng Crom tổng (Cr) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0033)
12	Hàm lượng Đồng (Cu) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
13	Độ cứng (iso)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	104,00
14	Hàm lượng Florua (F ⁻) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)
15	Hàm lượng Kẽm (Zn) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
16	Hàm lượng Mangan (Mn) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
17	Hàm lượng Natri (Na) (iso)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	19,18
18	Hàm lượng Nhôm (Al) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
19	Hàm lượng Niken (Ni) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)
20	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B:2023	1,16
21	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	KPH (MDL = 0,003)
22	Hàm lượng Sắt (Fe) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,017)
23	Hàm lượng Selen (Se) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,002)
24	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ²⁻) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	12,56
25	Hàm lượng Sunfua (iso)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
26	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
27	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS) (iso)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	218
28	Hàm lượng Cianua (CN ⁻) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)
29	Hàm lượng 1,1,1 - Tricloroetan (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
30	Hàm lượng 1,2 - Dicloroetan (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
31	Hàm lượng 1,2 - Dicloroeten (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
32	Hàm lượng Cacbonetetraclorea (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
33	Hàm lượng Diclorometan (iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2250306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 3/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
34	Hàm lượng Tetracloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
35	Hàm lượng Tricloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
36	Hàm lượng Vinyl clorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
37	Hàm lượng Benzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
38	Hàm lượng Etylbenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
39	Hàm lượng Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(iso)	µg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,3)
40	Hàm lượng Styren ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
41	Hàm lượng Toluen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
42	Hàm lượng Xylen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
43	Hàm lượng 1,2 - Diclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
44	Hàm lượng Monoclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
45	Hàm lượng Triclorobenzen	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
46	Hàm lượng Acrylamide	µg/L	HD 15-SK-1.20.9 (US EPA Method 8260D:2018)	KPH (MDL = 100)
47	Hàm lượng Epiclohydrin ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
48	Hàm lượng Hexacloro butadien ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
49	Hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
50	Hàm lượng 1,2 - Dicloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
51	Hàm lượng 1,3 - Dichloropropen ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
52	Hàm lượng 2,4 - D ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
53	Hàm lượng 2,4 - DB ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
54	Hàm lượng Alachlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
55	Hàm lượng Aldicarb ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
56	Hàm lượng Atrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
57	Hàm lượng Carbofuran ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
58	Hàm lượng Chlorpyrifos ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.2	KPH (MDL = 0,02)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2250306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 4/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
59	Hàm lượng Clodane ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
60	Hàm lượng Clorotoluron ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
61	Hàm lượng Cyanazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
62	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
63	Hàm lượng Dichloprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
64	Hàm lượng Fenoprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
65	Hàm lượng Hydroxyatrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
66	Hàm lượng Isoproturon ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
67	Hàm lượng MCPA ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
68	Hàm lượng Mecoprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,012)
69	Hàm lượng Methoxychlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
70	Hàm lượng Molinate ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
71	Hàm lượng Pendimetalin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
72	Hàm lượng Permethrin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-1	KPH (MDL = 0,2)
73	Hàm lượng Propanil ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
74	Hàm lượng Simazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
75	Hàm lượng Trifluralin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
76	Hàm lượng 2,4,6 - Triclorophenol ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8270D:2018	KPH (MDL = 0,02)
77	Hàm lượng Bromat ^(iso)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (MDL = 2)
78	Hàm lượng Bromodichloromethane ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	6,5
79	Hàm lượng Bromoform ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
80	Hàm lượng Chloroform ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	17,3
81	Hàm lượng Dibromoacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)
82	Hàm lượng Dibromochloromethane ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	2,6
83	Hàm lượng Dichloroacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2250306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 5/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
84	Hàm lượng Dichloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
85	Hàm lượng Formaldehyde ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.7	KPH (MDL = 100)
86	Hàm lượng Monochloramine ^(iso)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,03)
87	Hàm lượng Monochloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
88	Hàm lượng Trichloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
89	Hàm lượng Trichloroacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 0,2)
90	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) ^(iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,024)
91	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) ^(iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,027)

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2260306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 1/5

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước sạch (Nhà máy nước Bông Vang)
Vị trí: UBND xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 03/06/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 03/06/2025 đến 15/06/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A, đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Staphylococcus aureus (iso)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	0
2	Pseudomonas aeruginosa (iso)	CFU/100mL	ISO 16266:2006	0
3	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N) (iso)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2023	KPH (MDL = 0,1)
4	Hàm lượng Antimon (Sb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,4)
5	Hàm lượng Bari (Ba) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
6	Hàm lượng Bo (B) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)
7	Hàm lượng Cadimi (Cd) (iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0005)
8	Hàm lượng Chì (Pb) (iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,001)

Ghi chú: - (iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/5 ÷ 5/5.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2260306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 2/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Chỉ số Permanganat ^(iso)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,67)
10	Hàm lượng Clorua ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	50,34
11	Hàm lượng Crom tổng (Cr) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0033)
12	Hàm lượng Đồng (Cu) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
13	Độ cứng ^(iso)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	102,00
14	Hàm lượng Florua (F ⁻) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)
15	Hàm lượng Kẽm (Zn) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
16	Hàm lượng Mangan (Mn) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
17	Hàm lượng Natri (Na) ^(iso)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	19,22
18	Hàm lượng Nhôm (Al) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,01)
19	Hàm lượng Niken (Ni) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,003)
20	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B:2023	1,16
21	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	KPH (MDL = 0,003)
22	Hàm lượng Sắt (Fe) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,017)
23	Hàm lượng Selen (Se) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,002)
24	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ²⁻) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	11,48
25	Hàm lượng Sunfua ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
26	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
27	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS) ^(iso)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	210
28	Hàm lượng Cianua (CN ⁻) ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500- CN-.C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)
29	Hàm lượng 1,1,1 - Tricloroetan ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
30	Hàm lượng 1,2 - Dicloroetan ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
31	Hàm lượng 1,2 - Dicloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
32	Hàm lượng Cacbonetraclorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
33	Hàm lượng Diclorometan ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CAN Tho TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2260306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 3/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
34	Hàm lượng Tetrachloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
35	Hàm lượng Trichloroeten ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
36	Hàm lượng Vinyl clorua ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
37	Hàm lượng Benzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
38	Hàm lượng Etylbenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
39	Hàm lượng Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(iso)	µg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,3)
40	Hàm lượng Styren ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
41	Hàm lượng Toluen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
42	Hàm lượng Xylen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
43	Hàm lượng 1,2 - Diclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
44	Hàm lượng Monoclorobenzen ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
45	Hàm lượng Triclorobenzen	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
46	Hàm lượng Acrylamide	µg/L	HD 15-SK-1.20.9 (US EPA Method 8260D:2018)	KPH (MDL = 100)
47	Hàm lượng Epichlorhydrin ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
48	Hàm lượng Hexachloro butadien ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
49	Hàm lượng 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
50	Hàm lượng 1,2 - Dicloropropan ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
51	Hàm lượng 1,3 - Dichloropropen ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,07)
52	Hàm lượng 2,4 - D ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
53	Hàm lượng 2,4 - DB ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
54	Hàm lượng Alachlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
55	Hàm lượng Aldicarb ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
56	Hàm lượng Atrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
57	Hàm lượng Carbofuran ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
58	Hàm lượng Chlorpyrifos ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.2	KPH (MDL = 0,02)

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
 Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2260306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
 Trang: 4/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
59	Hàm lượng Clodane ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
60	Hàm lượng Clorotoluron ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
61	Hàm lượng Cyanazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
62	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
63	Hàm lượng Dichloprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
64	Hàm lượng Fenoprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
65	Hàm lượng Hydroxyatrazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
66	Hàm lượng Isoproturon ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
67	Hàm lượng MCPA ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
68	Hàm lượng Mecoprop ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.1	KPH (MDL = 0,012)
69	Hàm lượng Methoxychlor ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.3	KPH (MDL = 0,02)
70	Hàm lượng Molinate ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
71	Hàm lượng Pendimetalin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
72	Hàm lượng Permethrin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-1	KPH (MDL = 0,2)
73	Hàm lượng Propanil ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
74	Hàm lượng Simazine ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
75	Hàm lượng Trifluralin ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.5	KPH (MDL = 0,012)
76	Hàm lượng 2,4,6 - Triclorophenol ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8270D:2018	KPH (MDL = 0,02)
77	Hàm lượng Bromat ^(iso)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (MDL = 2)
78	Hàm lượng Bromodichloromethane ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	6,8
79	Hàm lượng Bromoform ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	KPH (MDL = 0,07)
80	Hàm lượng Chloroform ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	15,0
81	Hàm lượng Dibromoacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)
82	Hàm lượng Dibromochloromethane ^(iso)	µg/L	US EPA Method 8260D:2018	2,6
83	Hàm lượng Dichloroacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 1,0)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 2260306/MT/320306/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 17/06/2025
Trang: 5/5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
84	Hàm lượng Dichloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
85	Hàm lượng Formaldehyde ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.7	KPH (MDL = 100)
86	Hàm lượng Monochloramine ^(iso)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,03)
87	Hàm lượng Monochloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
88	Hàm lượng Trichloroacetic acid ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.8	KPH (MDL = 0,7)
89	Hàm lượng Trichloroacetonitrile ^(iso)	µg/L	HD 15-SK-1.20.4-2	KPH (MDL = 0,2)
90	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) ^(iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,024)
91	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) ^(iso)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL = 0,027)

CATECH

CHỖ ĐÓNG DẤU

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.